**TUẦN 26**

Tiếng việt

**Luyện tập: Viết về nét đẹp ở địa phương**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố kĩ năng viết đoạn văn giới thiệu nét đẹp trăm miền(VD: ngày Tết hay lễ hội của địa phương mình hoặc bộ trang phục dân tộc mà mình yêu thích,...)

- Chữ viết rõ ràng, mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.

- Phát triển năng lực văn học: : Biết chọn một số thông tin nổi bật để viết; viết có cảm xúc.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, tự tìm kiếm thông tin để viết bài, luyện tập viết đúng, đẹp và hoàn thành.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng; viết được đoạn văn, trang trí bài viết của mình

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết nhận xét, trao đổi với bạn về các sản phẩm.

**3. Phẩm chất.**

- Phầm chất yêu nước: Yêu quý, tự hào về con người Việt Nam,

- Phẩm chất nhân ái: Trân trọng nét văn hoá đặc sắc của các dân tộc Việt Nam

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ luyện viết, rèn tính cẩn thận, óc thẩm mỹ khi thực hiện sản phầm.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.Khởi động:**  - GV tổ chức nghe hát: “Việt Nam ơi” để khởi động bài học.  - GV cùng trao đổi về nội dung bài hát  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2.Luyện tập**  **Hoạt động 1: Khởi động**  -YCHS chuẩn bị viết bài.  - GV yêu cầu cả lớp quan sát hình minh họa trong SGK- YCHS nhắc lại việc đã làm trong tiết Góc sáng tạo.    - GV hướng dẫn HS có thể chọn đề a hoặc đề b (Lưu ý khác với đề làm tiết đã học Góc sáng tạo)  *+ Em sẽ chọn đề nào? Em sẽ viết gì trong đoạn văn của mình?*  -YCHS chia sẻ dàn ý bài viết  - GV nhận xét, bổ sung.  GV gọi HS nêu lại quy trình 5 bước.  - GV mời HS viết vào vở ôli.  - GV theo dõi, giúp đỡ các em viết bài.  **HĐ2:Giới thiệu và bình chọn sản phẩm.**  - GV mời một số HS tiếp nối nhau đọc bài viết của mình trước lớp.  - GV mời HS nhận xét bình chọn sản phẩm (giơ tay hoặc vỗ tay bình chọn)theo các tiêu chí: bài viết hay, trình bày đẹp, bạn trình bày rõ ràng, hấp dẫn.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV thu một số bài chấm và nhận xét.  **HĐ3.Vận dụng:**  **-** GV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh. | - HS lắng nghe bài hát.  - HS lắng nghe  -HS chia sẻ ý kiến=>HS đọc: Viết đoạn văn về một ngày tết (lễ hội) ở địa phương em hoặc về bộ trang phục của một dân tộc mà em biết.  - HS quan sát, TLCH, đọc gợi ý.  - HS đọc yêu cầu bài.  *Ví dụ*  *+ Em chọn đề a). Em sẽ viết về ngày Tết; lễ hội của quê hương em, hay đêm Trung thu,…*  *+ Em chọn đề b). Em sẽ viết về bộ áo dài truyền thống Việt Nam /về bộ quần áo bà ba của người miền Tây,...).*  - HS trao đổi thêm  - HS nhắc lại.  - HS viết bài vào vở ôli.  - 1-3 HS đọc bài viết của mình trước lớp  - >các HS khác nhận xét  - HS nộp vở để GV chấm bài.  -HS chia sẻ hiểu biết |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**……………………………………………………………………………………**

Tiếng việt+

**Luyện tập về câu hỏi “Để làm gì?”**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố và khắc sâu câu hỏi đã học: *Để làm gì?*

- Tìm được các bộ phận trả lời câu hỏi *để làm gì?*

- HS viết được đoạn văn có sử dụng mẫu câu đã học: Để làm gì?

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác:Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Bài giảng powerpoint

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  + Câu hỏi "Để làm gì? " dùng để hỏi về gì?  ***Chốt:***  *- Câu hỏi "*Để làm gì*?" dùng để hỏi về mục đích.*  *- Bộ phận trả lời câu hỏi Để làm gì? chỉ mục đích. Bộ phận đó có thể đứng đầu hoặc cuối câu.*  **2.Luyện tập**  **Bài 1:** Gạch chân dưới bộ phận trả lời câu hỏi Để làm gì?  a) Sáng nào em cũng dậy từ năm giờ để ôn lại bài trước khi đến lớp.  b) Để chúc mừng sinh nhật em, bố mẹ hứa sẽ tặng em một món quà đặc biệt.  **Bài 2:** Thêm bộ phận trả lời câu hỏi “để làm gì?” để hoàn chỉnh câu:  a. Chim chăm chỉ bắt sâu ........................  b. Em chăm chỉ học hành ......................  c. .................................... , em luôn cố gắng học.  d. Ai cũng muốn đến hội vật..............................  e. Chúng em lao động đều vào sáng thứ­ hai và năm...............  ***Chốt:***  *Bộ phận trả lời câu hỏi "Để làm gì" có thể đứng đầu hoặc cuối câu.*  **Bài 3:** Em tự viết 2-3 câu, trong đó có bộ phận trả lời câu hỏi *Để làm gì?*  M: Em chăm chỉ học tập để đạt nhiều điểm tốt  *\* Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi:" Để làm gì?"chỉ mục đích.*  **3.Vận dụng**  - Y/c HS đặt và trả lời câu câu hỏi *Để làm gì?*  *-* Câu hỏi "Để làm gì? " dùng để hỏi về gì? | - HS nhắc lại.  - HS đọc, nêu y/c.  HS làm bài vào vở.  Báo cáo kq.  - HĐ nhóm  -> báo cáo kết quả trước lớp (Bảng nhóm ).  - GV theo dõi, kiểm tra các thao tác của HS  - Nhận xét, chữa bài trước lớp:    - HĐ cá nhân ( giấy nháp)  -> báo cáo kết quả trong nhóm.    - HS hỏi đáp nhóm đôi,  1 – 2 nhóm nói trước lớp. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

.................................................................................................................................................................................................................................................................. *……………………………………………………………………………………*

Tiếng việt (tăng*)*

**Luyện tập về dấu hai chấm**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố và khắc sâu tác dụng của dấu hai chấm: Dùng để liệt kê và giải thích cho sự vật, sự việc đứng trước đó.

- Viết được đoạn văn ngắn có sử dụng dấu hai chấm.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, tìm hiểu các yêu cầu và làm được các bài tập liên quan đến dấu hai chấm.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia hoạt động trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- HS yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

Bài giảng powerpoint.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ1: Khởi động:**  - Gọi HS nêu tác dụng của dấu hai chấm đã được học ở tiết trước.  - GV yêu cầu HS đặt câu có dấu hai chấm.  *GV chốt tác dụng của dấu hai chấm: Dấu hai chấm có tác dụng dùng để liệt kê các sự vật và giải thích sự vật, sự việc.*  **HĐ2: Luyện tập thực hành**  **Bài 1: Em hãy điền dấu câu thích**  **hợp vào**  a. Dưới tầm cánh chú chuồn chuồn bấy giờ là lũy tre xanh rì rào trong gió, là bờ ao với những khóm khoai nước rung rinh. Rồi những cảnh tuyệt đẹp của đất nước hiện ra  cánh đồng với những đàn trâu thung thăng gặm cỏ, dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi…  **b.**  Bà thương không muốn bán  Bèn thả vào trong chum.  Rồi bà lại đi làm  Đến khi về thấy lạ  Sân nhà sao sạch quá  Đàn lợn đã được ăn  Cơm nước nấu tinh tươm  Vườn rau tươi sạch cỏ.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi để điền dấu câu thích hợp.  - GV gọi các nhóm khác nhận xét.  - GV yêu cầu HS nêu tác dụng của dấu hai chấm ở 2 phần a và b.  - GV nhận xét.  *- GV chốt: Dấu hai chấm có tác dụng dùng để liệt kê các sự vật và giải thích sự vật, sự việc.*  Bài 2:Trong những câu sau đây, những câu nào dấu hai chấm có tác dụng báo hiệu bộ phận đứng sau là lời giải thích cho bộ phận đứng trước?  A. Hai cảnh nối nhau vừa bày ra trước mắt tôi: đàn ong mải mê, rầm rộ; một bác Xiến Tóc to xác, quá lười cứ ra vào ngẩn ngơ.  B. Ông lão nghe xong, bảo rằng:  - Con đi chặt cho đủ một trăm đốt tre, mang về đây cho ta.  C. Bụt đưa tay chỉ vào cây tre mà đọc: Khắc xuất! Khắc xuất!  D. Trên bàn, đồ đạc để lộn xộn: quần áo, sách vở, bát đũa…  - GV yêu cầu HS giải thích lí do e chọn 2 đáp án đó.  - GV gọi HS khác đưa ra câu trả lời của mình.  - GV nhận xét câu trả lời của HS.  *GV chốt tác dụng của dấu hai chấm: Dấu hai chấm dùng để liệt kê và giải thích sự vật, sự việc. Ngoài ra dấu hai chấm cũng còn một số tác dụng khác nữa lên lớp trên các con sẽ tiếp tục được tìm hiểu thêm.*  Bài 3: Viết 1 đoạn văn ngắn nói về 1 người bạn thân của em trong đó có sử dụng dấu hai chấm.  - GV gọi HS đọc yêu cầu.  - GV hỏi bài tập yêu cầu gì?  - YC HS làm bài cá nhân.  - YC HS trình bày đoạn văn.  - GV nhận xét.  *- GV chốt: Khi viết câu văn phải đảm bảo nội dung và hình thức, viết đoạn văn không được xuống dòng.*  **3. Vận dụng**  - GV nhận xét tiết học, tuyên dương học sinh.  - Dặn HS chuẩn bị bài sau | - HS nêu.  - Nhiều HS đặt câu, VD: Trong vườn nhà em có rất nhiều cây ăn quả: cây cam, cây táo, cây mít, cây xoài,…  - HS đọc và tìm hiểu yêu cầu bài tập.  - HS thảo luận nhóm đôi để trả lời: 2 ô trống đều điền dấu hai chấm.  - Phần a dấu hai chấm dùng để liệt kê những cảnh vật xung quanh, có ý nghĩa bổ sung cho nội dung “những cảnh tuyệt đẹp của đất nước” trước đó. Còn dấu hai chấm ở phần b dùng để giải thích sự vật, sự việc.  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS làm bài tập cá nhân.  - Đáp án: Câu A và D.  - HS giải thích.  - HS thực hiện theo yêu cầu của GV.  - 1 HS đọc yêu cầu bài tập.  - Viết 1 đoạn văn ngắn nói về 1 người bạn của em trong đó có sử dụng dấu hai chấm.  - HS tự viết đoạn văn của mình theo yêu cầu của GV.  - 1 số HS đọc đoạn văn của mình.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**……………………………………………………………………………………**